

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ SMART LIFE
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ SMART LIFE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SMART LIFE INVESTMENT AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SMART LIFE INVEST AND TRADE .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109364968

3. Ngày thành lập: 06/10/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 126 Trần Vỹ, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website: [Www.farmermart.com.vn](http://www.farmermart.com.vn)

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
2.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
3.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
4.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
5.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
6.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
7.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
8.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
9.	Sản xuất rượu vang	1102
10.	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
11.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
12.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
13.	Sản xuất giày, dép	1520
14.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ như: Đồ dùng gia đình và đồ dùng nấu bếp bằng gỗ	1629
15.	In ấn	1811
16.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
17.	Sao chép bản ghi các loại	1820
18.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012

19.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh Chi tiết: - Sản xuất mỹ phẩm - Sản xuất xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
20.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Loại trừ: - Sản xuất các loại bột thuốc nổ; - Sản xuất các sản phẩm pháo hoa, chất nổ, bao gồm ngòi nổ, pháo sáng	2029
21.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
22.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
23.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
24.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng Chi tiết: - Sản xuất đầu máy video và thiết bị sao chép; - Sản xuất tivi; - Sản xuất màn hình vô tuyến; - Sản xuất hệ thống thu thanh và sao chép; - Sản xuất máy thu radio; - Sản xuất loại video camera kiểu hộ gia đình; - Sản xuất micrô; - Sản xuất đầu DVD, CD; - Sản xuất máy karaoke; - Sản xuất tai nghe (ví dụ như dùng cho radio, máy radio âm thanh nổi, máy tính)	2640
25.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học Chi tiết: Sản xuất camera (quang học, kỹ thuật số)	2670
26.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
27.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
28.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
29.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
30.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
31.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
32.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
33.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
34.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
35.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250

36.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
37.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
38.	Phá dỡ	4311
39.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
40.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
41.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung	4329
42.	Hoàn thiện công trình xây dựng Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống cửa bao gồm cửa ra vào, cửa sổ, cửa bếp, cầu thang, các loại cửa tương tự làm bằng gỗ hoặc làm bằng vật liệu khác - Các hoạt động hoàn thiện bên trong công trình như: làm trần, ốp gỗ tường, hoặc vách ngăn di chuyển được	4330
43.	Bán mô tô, xe máy Loại trừ: Hoạt động đấu giá	4541
44.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Loại trừ: đấu giá hàng hóa	4610
45.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
46.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
47.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
48.	Bán buôn thực phẩm	4632
49.	Bán buôn đồ uống	4633
50.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

51.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
52.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
53.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
54.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng, y tế	4659
55.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa; - Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; - Bán buôn sơn và véc ni; - Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; - Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; - Bán buôn kính phẳng; - Bán buôn đồ ngũ kim và khoá; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn bình đun nước nóng; - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...; - Bán buôn dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác	4663
56.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hàng thủ công mỹ nghệ. - Bán buôn hàng lưu niệm	4669
57.	Bán buôn tổng hợp	4690
58.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) - Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)	4719
59.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
60.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722

61.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ uống có cồn: rượu mạnh, rượu vang, bia	4723
62.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
63.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
64.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Đồ ngũ kim; - Sơn, véc ni và sơn bóng; - Kính phẳng; - Vật liệu xây dựng khác như gạch, ngói, gỗ, thiết bị vệ sinh; - Thiết bị và vật liệu để tự làm	4752
65.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
66.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
67.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759(Chính)
68.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
69.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
70.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
71.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
72.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
73.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ	4781
74.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
75.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ	4789
76.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Loại trừ: hoạt động đấu giá	4791
77.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931

78.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; - Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác	4932
79.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
80.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
81.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
82.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
83.	Bốc xếp hàng hóa	5224
84.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển; - Giao nhận hàng hóa - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn (ngoại trừ tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không) Loại trừ: hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển và hàng không.	5229
85.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
86.	Cơ sở lưu trú khác Chi tiết: - Ký túc xá học sinh, sinh viên - Chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùng để nghỉ tạm - Cơ sở lưu trú khác chưa được phân vào đâu	5590
87.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
88.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Loại trừ: không bao gồm kinh doanh quán bar, Karaoke, vũ trường	5610
89.	Dịch vụ phục vụ đồ uống Loại trừ: quầy bar, karaoke, vũ trường	5630

90.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: - Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể. - Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống, ví dụ cung cấp dịch vụ ăn uống cho các cuộc thi đấu thể thao hoặc những sự kiện tương tự trong một khoảng thời gian cụ thể. Đồ ăn uống thường được chế biến tại địa điểm của đơn vị cung cấp dịch vụ, sau đó vận chuyển đến nơi cung cấp cho khách hàng; - Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, ví dụ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không, xí nghiệp vận tải hành khách đường sắt...; - Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự; - Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền. - Hoạt động cung cấp suất ăn công nghiệp cho các nhà máy, xí nghiệp.	5629
91.	Xuất bản phần mềm	5820
92.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Loại trừ: Hoạt động sản xuất phim điện ảnh	5911
93.	Hoạt động hậu kỳ	5912
94.	Lập trình máy vi tính	6201
95.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
96.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
97.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
98.	Cổng thông tin Loại trừ: Hoạt động báo chí	6312
99.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (loại trừ tư vấn pháp luật, thuế, kế toán, kiểm toán, tài chính, chứng khoán).	6619
100.	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: Đại lý bảo hiểm	6622
101.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: kinh doanh bất động sản	6810
102.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản	6820
103.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Tư vấn quản lý doanh nghiệp (trừ tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)	7020

104.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế nội - ngoại thất công trình; - Thiết kế cảnh quan;	7110
105.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
106.	Quảng cáo	7310
107.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
108.	Hoạt động nhiếp ảnh Loại trừ: Hoạt động của phóng viên ảnh	7420
109.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng không kèm người điều khiển	7730
110.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
111.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
112.	Đại lý du lịch	7911
113.	Điều hành tua du lịch	7912
114.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
115.	Dịch vụ đóng gói	8292
116.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	8620
117.	Hoạt động y tế dự phòng	8691
118.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
119.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ phẫu thuật thẩm mỹ	9639
120.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
121.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
122.	Đào tạo sơ cấp	8531
123.	Đào tạo trung cấp	8532
124.	Giáo dục nhà trẻ	8511
125.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;	8559

126.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: - Việc cung cấp các dịch vụ không phải dạy học mà là hỗ trợ cho hệ thống hoặc quá trình giảng dạy: + Tư vấn giáo dục, + Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục, + Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục, + Dịch vụ kiểm tra giáo dục, + Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên.	8560
127.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí Loại trừ: Hoạt động của các nhà báo độc lập	9000
128.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
129.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
130.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
131.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: - Tổ chức sự kiện - Xúc tiến thương mại	8230
132.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
133.	Hoạt động của hệ thống cơ sở chính hình, phục hồi chức năng	8692

6. Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 5.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VƯƠNG THỊ THU	Số 317 Kim Mã, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.350.000	13.500.000.000	27,000	015188000049	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.350.000	13.500.000.000	27,000		
2	NGUYỄN XUÂN QUANG	Thôn Phong Lâm, Xã Hoàng Diệu, Huyện Gia Lộc, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	500.000	5.000.000.000	10,000	030091005167	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	500.000	5.000.000.000	10,000		

3	ĐÀO VĂN VINH	Thôn Mạch Tràng, Xã Cổ Loa, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	500.000	5.000.000.000	10,000	B9504484
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	500.000	5.000.000.000	10,000	
4	LÊ ĐỨC CẦN	Thôn Xuân Đình, Xã Hàm Tử, Huyện Khoái Châu , Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.650.000	26.500.000.000	53,000	033072000203
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	2.650.000	26.500.000.000	53,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ ĐỨC CẦN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 24/02/1972

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 033072000203

Ngày cấp: 11/05/2015

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Xuân Đình, Xã Hàm Tử, Huyện Khoái Châu , Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Xuân Đình, Xã Hàm Tử, Huyện Khoái Châu , Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội